

NGHỊ ĐỊNH 254/2026/NĐ-CP — HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Hướng dẫn Luật Quản lý thuế 108/2025 về hóa đơn điện tử · Đối chiếu với ND 123/2020 và ND 70/2025

THÔNG TIN VĂN BẢN

Hiệu lực	01/07/2026 (biên lai giấy dùng đến 31/12/2026; hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị từ 01/07/2026)
Thay thế	ND 123/2020; Điều 1 ND 41/2022; ND 70/2025
Hướng dẫn	Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (phần hóa đơn – chứng từ điện tử)

MỤC LỤC — bấm vào dòng để mở sheet

Sheet	Nội dung
01	Những thay đổi đáng lưu ý & văn bản bị thay thế
02	Loại hóa đơn & đối tượng sử dụng
03	Thời điểm lập hóa đơn
04	Nội dung hóa đơn – thông tin người mua
05	Chứng từ điện tử, chia sẻ dữ liệu, khen thưởng tổ giác
06	Chuyển tiếp & tiêu hủy (biên lai giấy, hóa đơn đặt in)
07	Chứng từ điện tử & biên lai điện tử (loại, nội dung, thời điểm)

NHỮNG THAY ĐỔI ĐÁNG LƯU Ý & VĂN BẢN BỊ THAY THẾ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NĐ 254/2026 làm hết hiệu lực NĐ 123/2020, Điều 1 NĐ 41/2022 và NĐ 70/2025 — bộ quy tắc hóa đơn đang dùng hằng ngày. Đây là văn bản cần cập nhật kỹ nhất vì ảnh hưởng trực tiếp tới việc lập hóa đơn của mọi khách hàng.

Nhóm nội dung	Kết luận nhanh
Thay thế	Làm hết hiệu lực NĐ 123/2020, Điều 1 NĐ 41/2022, NĐ 70/2025 từ 01/07/2026.
Loại HĐ mới	Thêm hóa đơn thương mại điện tử cho xuất khẩu.
Người mua	Ghi số định danh cá nhân; người nước ngoài ghi hộ chiếu + quốc tịch.
Đặt cọc	Nhận đặt cọc đảm bảo hợp đồng thì chưa phải lập hóa đơn.
Đặt in	Hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị từ 01/07/2026.

Nội dung so sánh	NĐ 123/2020 & 70/2025 (cũ)	NĐ 254/2026/NĐ-CP (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế (kế toán)	Căn cứ (Điều)
1. Văn bản bị thay thế	NĐ 123/2020 (hóa đơn, chứng từ); Điều 1 NĐ 41/2022; NĐ 70/2025 (sửa 123).	NĐ 254/2026 làm hết hiệu lực toàn bộ các văn bản trên từ 01/07/2026 (Điều 43).	Thay thế toàn bộ khung hóa đơn cũ.	Từ 01/07/2026 áp dụng NĐ 254; ngừng tham chiếu NĐ 123/2020 & 70/2025.	Điều 43
2. Loại hóa đơn thương mại điện tử (MỚI)	Chỉ có hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng...	Điều 8 bổ sung 'hóa đơn thương mại điện tử' cho hoạt động xuất khẩu khi đủ điều kiện chuyển dữ liệu điện tử đến cơ quan thuế.	Thêm loại hóa đơn mới cho xuất khẩu.	DN xuất khẩu cần nhắc dùng hóa đơn TMĐT; nếu chưa đủ điều kiện thì dùng hóa đơn GTGT/bán hàng điện tử.	Điều 8
3. Thông tin người mua	Ghi tên, địa chỉ, MST người mua.	Điều 10: nếu người mua cung cấp thì thể hiện số định danh cá nhân; người nước ngoài thể hiện số hộ chiếu/giấy tờ XNC và quốc tịch.	Chuẩn hóa theo định danh cá nhân.	Cập nhật phần mềm hóa đơn để nhập số định danh cá nhân người mua.	Điều 10
4. Đặt cọc	Chỉ miễn lập hóa đơn với vài dịch vụ cụ thể.	Điều 9: nhận tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng thì CHƯA phải lập hóa đơn (áp dụng chung).	Mở rộng cho mọi trường hợp đặt cọc theo Bộ luật Dân sự.	Không lập hóa đơn tại thời điểm nhận đặt cọc; lập khi cung cấp hàng/dịch vụ.	Điều 9
5. Khen thưởng người tố giác (MỚI)	Không có.	Điều 41: khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập/giao hóa đơn điện tử.	Cơ chế thưởng hoàn toàn mới.	Rủi ro tăng nếu không xuất hóa đơn đầy đủ — nhắc khách xuất hóa đơn đúng.	Điều 41
6. Hóa đơn đặt in của cơ quan thuế	Còn dùng hóa đơn đặt in.	Điều 44: hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị từ 01/07/2026, phải tiêu hủy phần chưa dùng.	Chấm dứt hóa đơn đặt in.	Chuyển hẳn sang hóa đơn điện tử; tiêu hủy hóa đơn đặt in còn tồn.	Điều 44

LOẠI HÓA ĐƠN & ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Điều 6 và Điều 8 quy định đối tượng dùng hóa đơn điện tử và các loại hóa đơn, bổ sung loại hóa đơn thương mại điện tử.

Loại / đối tượng	NĐ 123/2020 & 70/2025 (cũ)	NĐ 254/2026 (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Hóa đơn giá trị gia tăng	Cho tổ chức khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.	Kế thừa; bổ sung dùng cho TMĐT, nền tảng số, nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú.	Mở rộng phạm vi sử dụng sang hoạt động số.	DN khấu trừ tiếp tục dùng hóa đơn GTGT điện tử.	Điều 8
Hóa đơn bán hàng	Cho tổ chức/hộ/cá nhân khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp; khu phi thuế quan.	Kế thừa; ghi rõ 'Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan' khi áp dụng.	Làm rõ trường hợp khu phi thuế quan, DN chế xuất.	Hộ/cá nhân nộp thuế trực tiếp dùng hóa đơn bán hàng điện tử.	Điều 8
Hóa đơn thương mại điện tử (MỚI)	Không có loại này.	Điều 8 khoản 3: áp dụng cho xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ ra nước ngoài khi đủ điều kiện chuyển dữ liệu điện tử đến cơ quan thuế.	Loại hóa đơn hoàn toàn mới cho xuất khẩu.	Nếu chưa đủ điều kiện thì chọn hóa đơn GTGT điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử.	Điều 8
Đối tượng sử dụng HĐĐT	Theo NĐ 123/2020 (đã mở rộng ở NĐ 70/2025).	Điều 6 mở rộng diện áp dụng hóa đơn điện tử.	Tiếp tục mở rộng diện bắt buộc dùng HĐĐT.	Rà lại đối tượng khách hàng còn dùng hóa đơn giấy.	Điều 6
Trường hợp không phải dùng HĐĐT	Một số trường hợp miễn.	Điều 7 liệt kê các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử.	Chuẩn hóa danh mục miễn.	Kiểm tra khách có thuộc diện miễn HĐĐT không.	Điều 7

THỜI ĐIỂM LẬP HÓA ĐƠN (ĐIỀU 9)

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.

Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Nguyên tắc chung không đổi (bán hàng: chuyển giao quyền sở hữu; dịch vụ: hoàn thành hoặc thu tiền trước). NĐ 254 làm rõ ngoại lệ đặt cọc, mở rộng nhóm dịch vụ đối soát 07 ngày và bổ sung nhiều trường hợp đặc thù.

Trường hợp	NĐ 123/2020 & 70/2025 (cũ)	NĐ 254/2026 (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Bán hàng hóa	Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu/sử dụng, không phân biệt đã thu tiền.	Kế thừa nguyên tắc; xuất khẩu: chậm nhất ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày thông quan.	Làm rõ mốc lập hóa đơn cho xuất khẩu.	Hàng xuất khẩu: lập hóa đơn chậm nhất ngày làm việc kế tiếp sau thông quan.	Điều 9
Cung cấp dịch vụ	Thời điểm hoàn thành dịch vụ hoặc thu tiền trước.	Kế thừa; thu tiền trước/trong khi cung cấp thì lập tại thời điểm thu tiền.	Làm rõ với thu tiền trước.	Ứng trước dịch vụ vẫn phải lập hóa đơn khi thu tiền.	Điều 9
Tiền đặt cọc (MỚI)	Chỉ vài dịch vụ được miễn lập khi thu tiền.	Thu tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng dịch vụ thì KHÔNG phải lập hóa đơn tại thời điểm nhận cọc.	Loại trừ rõ tiền đặt cọc khỏi 'thu tiền trước'.	Không xuất hóa đơn cho khoản đặt cọc; xuất khi thực hiện hợp đồng.	Điều 9
Dịch vụ đối soát — lập sau 07 ngày	Danh mục hẹp.	Mở rộng: thêm hoa tiêu hàng hải, quảng cáo trên báo điện tử/nền tảng số, bảo hiểm, bảo vệ, suất ăn công nghiệp, dịch vụ tài sản mã hóa, sàn các-bon... Chậm nhất ngày 07 tháng sau hoặc 07 ngày sau kỳ quy ước.	Mở rộng đáng kể nhóm dịch vụ lập hóa đơn theo kỳ đối soát.	Dịch vụ phát sinh thường xuyên: lập hóa đơn chậm nhất ngày 07 tháng sau.	Điều 9
Xây dựng, lắp đặt / bắt động sản	Theo nghiệm thu / thu tiền theo tiến độ.	Xây lắp: thời điểm nghiệm thu, bàn giao; BĐS thu theo tiến độ: ngày thu tiền.	Kế thừa, làm rõ.	Chủ đầu tư BĐS lập hóa đơn theo ngày thu tiền tiến độ.	Điều 9
Bán lẻ xăng dầu / giao dịch ban đêm	Xăng dầu: từng lần bán.	Xăng dầu: kết thúc từng lần bán; nếu không có phần mềm tự động và bán ban đêm thì lập chậm nhất ngày làm việc tiếp theo.	Bổ sung xử lý giao dịch ban đêm.	Cửa hàng bán lẻ cần phần mềm lập hóa đơn theo từng lần bán.	Điều 9
Viễn thông, CNTT, dịch vụ dữ liệu	Đối soát cước theo hợp đồng.	Thời điểm hoàn thành đối soát dữ liệu cước, chậm nhất không quá 02 tháng kể từ tháng phát sinh cước.	Mốc riêng 02 tháng cho đối soát cước.	Thẻ trả trước khách không lấy HĐ: cuối ngày/định kỳ lập 1 hóa đơn tổng.	Điều 9
Vận tải hàng không, bảo hiểm qua đại lý	Theo đối soát.	Thời điểm hoàn thành đối soát dữ liệu, chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.	Mốc ngày 10 tháng sau.	Áp dụng cả đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng của hãng.	Điều 9
Cho vay của tổ chức tín dụng	Theo kỳ thu lãi.	Theo kỳ hạn thu lãi tại thỏa thuận cho vay; đến hạn không thu được thì lập khi thực thu; trả lãi trước hạn thì lập khi thu.	Gắn với kỳ hạn thu lãi.	Ngân hàng lập hóa đơn tiền lãi vay theo kỳ hợp đồng.	Điều 9
Bán điện (công ty phát điện)	Theo hợp đồng mua bán điện.	Căn cứ thời điểm đối soát số liệu thanh toán, chậm nhất là ngày cuối cùng của hạn kê khai, nộp thuế của tháng phát sinh.	Gắn mốc hạn kê khai thuế tháng.	Theo hướng dẫn/phê duyệt của Bộ Công Thương.	Điều 9

Dầu thô, khí thiên nhiên	Theo cam kết.	Dầu thô: thời điểm xác định được giá bán chính thức; khí: thời điểm xác định khối lượng khí giao của tháng, chậm nhất là ngày cuối hạn kê khai thuế.	Làm rõ mốc cho hoạt động dầu khí.	Trường hợp đặc thù ngành dầu khí.	Điều 9
Casino, trò chơi điện tử có thưởng	—	Chậm nhất 01 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu (06:00 hôm nay đến 05:59 hôm sau), kèm chuyển dữ liệu.	Bổ sung mốc riêng cho casino.	Doanh thu = tiền thu – tiền đổi trả cho người chơi.	Điều 9
Khám chữa bệnh có phần mềm viện phí	—	Nếu khách không lấy HĐ: cuối ngày tổng hợp lập hóa đơn cho các dịch vụ trong ngày; lập HĐ cho cơ quan BHXH khi được thanh/quyết toán.	Chuẩn hóa cho cơ sở y tế.	Vẫn lập HĐ ngay nếu người bệnh yêu cầu.	Điều 9
Taxi công nghệ; thu phí đường bộ ETC	—	Taxi có phần mềm tính tiền: kết thúc chuyến lập HĐ + chuyển dữ liệu. Thu phí ETC: ngày xe qua trạm; nhiều lượt có thể lập định kỳ cuối tháng.	Gắn với dữ liệu giao dịch điện tử.	Liệt kê chi tiết từng lượt xe khi lập định kỳ.	Điều 9

NỘI DUNG HÓA ĐƠN – THÔNG TIN NGƯỜI MUA (ĐIỀU 10)

*Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.*

NĐ 254 chuẩn hóa nội dung hóa đơn theo hệ thống định danh cá nhân và xử lý thông tin người mua nước ngoài.

Nội dung	NĐ 123/2020 & 70/2025 (cũ)	NĐ 254/2026 (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Thông tin người mua trong nước	Tên, địa chỉ, mã số thuế người mua.	Nếu người mua cung cấp thì thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (hoặc MST).	Bổ sung số định danh cá nhân.	Cập nhật form nhập liệu hóa đơn: thêm trường số định danh cá nhân.	Điều 10
Người mua là người nước ngoài	Chưa quy định cụ thể.	Thể hiện số hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng.	Làm rõ thông tin người mua nước ngoài.	Thu thập hộ chiếu/quốc tịch khi bán cho khách nước ngoài.	Điều 10
Người mua không lấy hóa đơn	Lập hóa đơn tổng.	Một số dịch vụ (viễn thông thẻ trả trước...) cuối ngày/định kỳ lập chung một hóa đơn tổng phần khách không lấy hóa đơn.	Chuẩn hóa hóa đơn tổng.	Áp dụng cho bán lẻ số lượng lớn không lấy hóa đơn.	Điều 9; Điều 10
Định dạng chuẩn dữ liệu	Theo chuẩn của Tổng cục Thuế.	Hóa đơn (kể cả hóa đơn TMĐT) phải theo định dạng chuẩn dữ liệu.	Đồng bộ định dạng.	Dùng nhà cung cấp HĐĐT đáp ứng chuẩn dữ liệu mới.	Điều 10

CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ, CHIA SẺ DỮ LIỆU & KHEN THƯỞNG TỔ GIÁC

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NGH 254 quy định chứng từ điện tử (biên lai, chứng từ khấu trừ TNCN), cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành và lần đầu có cơ chế khen thưởng người tố giác không xuất hóa đơn.

Nội dung	Trước đây	NG 254/2026 (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Chứng từ khấu trừ thuế TNCN	Chứng từ khấu trừ điện tử theo NGH 123.	Điều 22–29 quy định chứng từ điện tử; tổ chức khấu trừ TNCN dùng chứng từ điện tử.	Kế thừa, chuẩn hóa chứng từ điện tử.	Cấp chứng từ khấu trừ TNCN điện tử cho người lao động.	Điều 22–29
Đầu mối tiếp nhận dữ liệu	Tổng cục Thuế.	Điều 40: đầu mối tiếp nhận, chia sẻ dữ liệu chuyển sang Cục Thuế; cập nhật tên cơ quan theo bộ máy mới.	Đổi đầu mối theo cơ cấu tổ chức mới.	Cập nhật đầu mối làm việc với cơ quan thuế mới.	Điều 40
Chia sẻ dữ liệu liên ngành	Chưa đồng bộ.	Cơ quan quản lý đất đai, công an, y tế... chia sẻ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.	Tăng kết nối dữ liệu liên ngành.	Dữ liệu hóa đơn được đối chiếu chéo — kê khai phải khớp thực tế.	Điều 40
Khen thưởng người tố giác (MỚI)	Không có.	Điều 41: khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập/giao hóa đơn điện tử; mỗi vụ chỉ thưởng một lần.	Cơ chế khuyến khích giám sát của người tiêu dùng.	Rủi ro bị tố giác nếu không xuất hóa đơn — xuất đầy đủ, đúng hạn.	Điều 41

CHUYỂN TIẾP & TIÊU HỦY (BIÊN LAI GIẤY, HÓA ĐƠN ĐẶT IN)

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Các mốc chuyển tiếp quan trọng khi bỏ hóa đơn/biên lai giấy để chuyển hẳn sang điện tử.

Nội dung	Quy định ND 254/2026	Mốc quan trọng	Ý nghĩa với kế toán	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Hóa đơn đặt in của cơ quan thuế	Hết giá trị sử dụng; phần chưa dùng phải tiêu hủy.	Từ 01/07/2026.	Chấm dứt hóa đơn đặt in.	Thống kê và tiêu hủy hóa đơn đặt in còn tồn theo thủ tục của Bộ Tài chính.	Điều 44
Biên lai giấy (tự in, đặt in)	Chưa dùng hết được tiếp tục sử dụng đến hết 31/12/2026; từ 01/01/2027 phải tiêu hủy.	Dùng đến 31/12/2026; hủy từ 01/01/2027.	Có thời gian chuyển đổi sang biên lai điện tử.	Lên kế hoạch chuyển sang biên lai điện tử trước 01/01/2027.	Điều 44
Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia (giấy)	Theo pháp luật về bán hàng dự trữ quốc gia; chuyển đổi khi Bộ Tài chính thông báo.	Theo thông báo chuyển đổi.	Trường hợp đặc thù.	Chỉ áp dụng cho đơn vị bán hàng dự trữ quốc gia.	Điều 44
Hiệu lực chung	Nghị định có hiệu lực thi hành.	01/07/2026.	Áp dụng khung hóa đơn mới.	Cập nhật phần mềm và quy trình lập hóa đơn theo ND 254 ngay.	Điều 43

CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ & BIÊN LAI ĐIỆN TỬ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.

Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Bên cạnh hóa đơn, ND 254 quy định chi tiết về chứng từ điện tử (chứng từ khấu trừ thuế TNCN, biên lai thu thuế – phí – lệ phí): loại, nội dung, thời điểm lập, ủy nhiệm và tiêu hủy.

Nội dung	Quy định ND 254/2026	Chi tiết	Ý nghĩa với kế toán	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Loại chứng từ	Điều 22 quy định các loại chứng từ.	Gồm chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử và biên lai điện tử (thu thuế, phí, lệ phí).	Xác định đúng loại chứng từ phải lập điện tử.	Tổ chức chi trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ TNCN điện tử.	Điều 22
Nội dung chứng từ	Điều 23 quy định nội dung.	Theo định dạng chuẩn dữ liệu; đầy đủ thông tin theo pháp luật thuế – kế toán.	Bảo đảm chứng từ hợp lệ khi quyết toán.	Dùng phần mềm đáp ứng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế.	Điều 23
Thời điểm lập chứng từ	Điều 24 quy định thời điểm lập.	Lập tại thời điểm khấu trừ thuế / thu tiền phí, lệ phí.	Lập đúng thời điểm phát sinh nghĩa vụ.	Không lập gộp sai kỳ.	Điều 24
Ủy nhiệm lập biên lai	Điều 25 cho phép ủy nhiệm lập biên lai.	Tổ chức được ủy nhiệm lập biên lai theo điều kiện.	Áp dụng khi có ủy nhiệm thu.	Có văn bản ủy nhiệm rõ ràng.	Điều 25
Chứng từ khấu trừ thuế TNCN	Điều 29 quy định trách nhiệm tổ chức khấu trừ.	Cấp chứng từ khấu trừ điện tử cho người bị khấu trừ.	Người lao động dùng để quyết toán.	Cấp đầy đủ, đúng số đã khấu trừ.	Điều 29
Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ	Điều 5 khoản 8 quy định tiêu hủy.	HĐ/chứng từ điện tử: làm cho không còn tồn tại/không truy cập được. Đặt in/tự in: đốt, cắt, xé.	Thực hiện đúng thủ tục khi hủy.	Lưu biên bản tiêu hủy theo hướng dẫn Bộ Tài chính.	Điều 5